

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 3 – 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung.

Ông Nguyễn Trọng Tảo.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H – Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xóm Tr , thôn Th, xã T, huyện Y , tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ – Sinh năm 1969.

Địa chỉ: Xóm Tr, thôn Th, xã T, huyện Y , tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H và anh Đ (chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2018, bản tự khai ngày 23/12/2018, đơn đề nghị về việc nuôi con đề ngày 10/01/2019 và tại các buổi làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn Đ vào ngày 13/10/1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian và đã có 3 con thì đến cuối năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên không có

tiếng nói chung, anh Đ nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng đã nhiều lần xảy ra va chạm, cãi vã, anh Đ có hành vi bạo lực gia đình đối với chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có ba con chung là cháu Phạm Thị N, sinh ngày 29/10/1995 hiện bị trầm cảm, không tự lao động được và không có tài sản tự nuôi bản thân, cháu Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 11/3/2011 và cháu Phạm Hữu Th, sinh ngày 30/5/2002. Quan điểm của chị H xin nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Nh và cháu Phạm Thị Khánh L, anh Đ nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu Th, anh Đ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nhung mỗi tháng một triệu đồng cho đến khi cháu có thể lao động tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26/12/2018, bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Về thời gian, hoàn cảnh kết hôn và con chung phù hợp với lời khai của chị H. Anh cũng xác định cách đây 1 năm giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn có những lúc to tiếng với nhau nguyên nhân do anh nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình với người khác mặc dù 2 bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Hồng, mong muốn vợ chồng về Đ tự để nuôi dạy con chung nên không đồng ý ly hôn với chị Hồng.

Về con chung. Quan điểm của anh Đ xin nuôi dưỡng cháu Nh và cháu Th, chị H nuôi dưỡng cháu L, chị H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nhung mỗi tháng một triệu đồng cho đến khi cháu có thể lao động tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận.

Tại đơn đề nghị đề ngày 18-12-2018, cháu Phạm Thị Nh và Phạm Thị Khánh L – con chung của anh Đ và chị H đều trình bày nguyện vọng được ở với mẹ để mẹ nuôi dưỡng các cháu. Tại đơn đề nghị đề ngày 24-12-2018, cháu Phạm Hữu Th – con chung của anh Đ và chị H trình bày nguyện vọng được ở với bố để bố nuôi dưỡng cháu.

Tại biên bản làm việc tại địa phương để thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng anh Đ và chị Hồng, ông xóm trưởng xóm T, xã T, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cung cấp: Vợ chồng anh Đ và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T và có ba con chung là cháu Phạm Thị Nh, sinh ngày 29/10/1995 (hiện bị trầm cảm, không tự lao động được và không có tài sản tự nuôi

bản thân), cháu Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 11/3/2011 và cháu Phạm Hữu Th, sinh ngày 30/5/2002 như anh Đ và chị H trình bày. Theo ông, sau khi kết hôn, anh Đ và chị H chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây giữa 2 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có xảy ra xô xát. Nay chị H có đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng giữa chị H và anh Đ không thống nhất được nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị H có đơn xin vắng mặt. Anh Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần hai không lý do vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu cho chị H được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình: Giao chị H nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Nh và cháu Phạm Thị Khánh L, anh Đ nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu Th, anh Đ có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nh mỗi tháng một triệu đồng cho đến khi cháu Phạm Thị Nh có thể lao động tự lập được.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con” do nguyên đơn chị Phạm Thị H thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Phạm Văn Đ có nơi cư trú tại Xóm Tr, xã T, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/10/1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ nghi ngờ chị H không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bản thân cả hai vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh Đ. Về phía anh Đ, anh cũng xác định cuộc sống vợ chồng cũng có lúc to tiếng với nhau tuy nhiên không đến mức nghiêm trọng, anh vẫn còn tình cảm đối với chị H và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, chung sống với nhau nên không đồng ý ly hôn với chị H. Xét thấy trên thực tế chị H, anh Đ đã sống ly thân nhau, chị H kiên quyết xin ly hôn nên trong quá trình giải quyết Tòa án không thể hoà giải, gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Anh Đ mặc dù muốn Đ tụ nhưng không có biện pháp gì để đề nín kéo cũng như hàn gắn tình cảm. Xét thấy hai người đã sống ly thân một thời gian, đời sống chung không có, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh Đ có ba con chung là cháu Phạm Thị Nh, sinh ngày 29/10/1995 hiện bị trầm cảm, không tự lao động được và không có tài sản tự nuôi bản thân, cháu Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 11/3/2011 và cháu Phạm Hữu Th, sinh ngày 30/5/2002. Anh chị thống nhất anh Đ nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu Th, chị H nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Khánh L và đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Nh cùng yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi cháu Nhung mỗi tháng một triệu đồng cho đến khi cháu có thể lao động tự lập được. Hội đồng xét xử thấy việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm và

nghĩa vụ cũng là quyền lợi của cha mẹ, việc các bên đương sự tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn cũng là xuất phát từ tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái, nhưng giao cho ai là người trực tiếp nuôi dạy con chung thì phải xem xét đến quyền lợi và nguyện vọng của trẻ, để trẻ phát triển tốt nhất về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành công dân có ích cho xã hội. Xét thấy đề nghị của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh xin ở cùng với mẹ đây là nguyện vọng chính đáng nên cần chấp nhận giao cháu Nh cho chị H nuôi dưỡng và anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nh mỗi tháng một triệu đồng cho đến khi cháu có thể lao động tự lập được là phù hợp đảm bảo quyền lợi của cháu Nh. Đối với đề nghị của anh Đ xin nuôi cháu Phạm Hữu Th và đề nghị của chị H xin nuôi cháu Phạm Thị Khánh L phù hợp với nguyện vọng của 2 cháu nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H, anh Đ phải nộp án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116. 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thị Nh, sinh ngày 29/10/1995 (hiện bị trầm cảm, không tự lao động được và không có tài sản tự nuôi bản thân) và cháu Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 11/3/2011 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Phạm Hữu Th, sinh ngày 30/5/2002 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Nh mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 03 năm 2019 cho đến khi cháu Nh có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Phạm Thị H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000988, ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Văn Đ phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã T: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ

Lê Hoàng Minh

